

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **284/2024/DS-ST**

Ngày: 16 - 9 - 2024

V/v “Đòi đất bị lấn chiếm và bồi
thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Cường

2/ Bà Huỳnh Thị Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2023/ TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi đất bị lấn chiếm và bồi thường thiệt hại tài sản bị xâm phạm”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp Trại C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn T - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T - Đoàn Luật sư tỉnh T, có mặt

2. Bị đơn: Ông Đặng Minh Q, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường X, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Số A, đường T, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Hợp đồng ủy quyền số 05 ngày 03 tháng 01 năm 2024).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn N, sinh năm xxxx, có mặt. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2023, đơn kiện bổ sung ngày 01 tháng 12 năm 2023 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Nguồn gốc đất do bà H nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị T vào năm 2011. Năm 2016 bà H chuyển nhượng lại ông Q thửa đất số 301, diện tích 2.005,7m², nên còn lại thửa số 302, diện tích 108,8m² và thửa đất số 300, diện tích 1562,9m². Khi chuyển nhượng đất cho ông Q có địa chính đo đất xác định ranh giới cụ thể. Bà H đã giao thửa đất số 301 cho ông Q sử dụng từ năm 2016. Quá trình sử dụng ông Q lấn chiếm thửa đất số 302 của bà H. Ông Q cho người đào đất chở đi san lấp nơi khác với khối lượng khoảng 90m³. Bà H yêu cầu ông Q trả phần đất lấn chiếm diện tích 108,8m², thửa số 302 và bồi thường thiệt hại 90m³ đất với số tiền 130.000đồng /m³. Bà H đồng ý cho ông Q bồi thường số tiền là 8.000.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Minh Q trình bày: Nguồn gốc đất như bà H trình bày. Ông Q có nhận chuyển nhượng thửa đất số 301 của bà H. Quá trình sử dụng đất ông Q có sử dụng qua phần đất thửa số 302 của bà H, ông Q có cho người khác lấy đất của bà H chở đi nhưng không xác định cụ thể khối lượng. Ông Q đồng ý giao trả bà H thửa đất số 302 theo diện tích đo 108,8 m². Ông Q đồng ý bồi thường khôi phục lại hiện trạng đất đã chở đi của bà H, nhưng không xác định diện tích cụ thể. Ông Q không đồng ý bồi thường bằng tiền theo yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa anh Lê Trường X đại diện uỷ quyền của ông Q trình bày: Ông Q có lấy đất của bà H chở đi với khối lượng khoảng 20m³ đến 25m³, không có chứng cứ cụ thể về khối lượng đất. Khi ông Q lấy đất của bà H chở đi thì bà H không ngăn cản, nên bà H và ông Q có lỗi ngang nhau. Ông Q đồng ý bồi thường cho bà H phần đất đã chở đi là 25 m³. Ông Q thống nhất giá trị đất san lấp 130.000 đồng/m³, nhưng không đồng ý thực hiện bồi thường bằng tiền. Ông Q yêu cầu thực hiện bằng cách cho ông Q tự ban ủi đất khôi phục lại hiện trạng ban đầu cho bà H khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Q đồng ý giao trả bà H thửa đất 302, diện tích 108,8m².

* Quá trình xét xử ông Trần Văn N trình bày thống nhất yêu cầu như bà H. Ông N không có yêu cầu khác.

* Ý kiến của Luật sư: Bà H và ông Q đều không có chứng cứ cụ thể chứng minh khối lượng đất của bà H bị ông Q lấy chở đi. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cộng khoản tiền của bà H yêu cầu bồi thường là 8.000.000 đồng và khoản tiền theo yêu cầu của ông Q (130.000 đồng/m³ x 25 m³ = 3.250.000 đồng) chia hai để ấn định mức bồi thường. Đề nghị căn cứ Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc ông Q phải trả bà H thửa đất số 302, ông Q phải bồi thường cho bà H khối lượng đất đã chở đi bằng tiền là 5.625.000 đồng. Thời gian

thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 175, 166, 500 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả bà Lê Thị H diện tích 108,8m² thửa đất số 302, tờ bản đồ số 24, tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Buộc ông Đặng Minh Q có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị H khối lượng đất đã đào đem đi của thửa đất số 302 với số tiền 5.625.000 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Về chi phí tố tụng giải quyết theo quy định pháp luật. Về án phí đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn kiện, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp đòi đất bị lấn chiếm và bồi thường thiệt do tài sản bị xâm phạm theo quy định khoản 2, khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166, Điều 589 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Q trả 108,8m², thửa số 302. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Q thông nhất yêu cầu của bà H, phù hợp Điều 166, Điều 579 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Q bồi thường thiệt hại tài sản là khối lượng đất thửa số 302. Ông Q thừa nhận tự ý ủi đất và lấy đất của thửa số 302 chở đi, phù hợp lời khai của người làm chứng do Tòa án thu thập. Theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do ông Q có hành vi xâm phạm tài sản của bà H.

Về lỗi: Phía ông Q trình bày lỗi gây thiệt hại là lỗi của bà H và lỗi của ông Q ngang nhau, do bà H không ngăn cản khi ông Q lấy đất chở đi. Ngoài ra không đưa

ra chứng cứ chứng minh cụ thể. Bà H trình bày thời điểm ông Q lấy đất chở đi bà H đi làm xa, nên không biết để ngăn cản. Hội đồng xét xử nhận thấy khi ông Q nhận chuyển nhượng đất của bà H có tiến hành đo đạc, xác định ranh giới đất. Nên việc ông Q sử dụng vượt quá diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà H và lấy đất của bà H chở đi là lỗi hoàn toàn của ông Q. Theo quy định Điều 589 Bộ luật dân sự, ông Q phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho bà H.

Về phương thức bồi thường: Bà H yêu cầu bồi thường bằng tiền chi phí vận chuyển đất từ nơi khác đến san lấp là 130.000 đồng/m³. Phía ông Q thống nhất chi phí đất san lấp 130.000 đồng/m³, nhưng không đồng ý bồi thường bằng tiền. Hội đồng xét xử nhận thấy ông Q yêu cầu thực hiện bồi thường bằng cách cho ông Q tự san ủi đất khôi phục hiện trạng ban đầu, nhưng không xác định được diện tích, hiện trạng đất ban đầu, nên không khả thi khi thi hành án.

Về tài sản thiệt hại: Bà H xác định khối lượng đất bị lấy chở đi là 6m x 15m x 01m = 90m³. Phía ông Q xác định khối lượng đất khoảng 20m³ đến 25m³. Nhưng bà H và ông Q không đưa ra chứng cứ cụ thể chứng minh khối lượng đất. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng đất, do thời gian đã lâu, qua nhiều mùa mưa nên đất bị xói mòn, cây cỏ mọc um tùm, không còn dấu vết để xác định khối lượng đất. Tòa án xác minh nhân chứng là người tham gia chở đất không xác định khối lượng cụ thể. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa các bên không chứng minh được khối lượng đất và giá trị thiệt hại. Bà H và Luật sư đề nghị lấy trung bình cộng của khoản tiền bà H yêu cầu và khoản tiền phía ông Q thừa nhận để xác định giá trị bồi thường với số tiền 5.625.000 đồng là phù hợp. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H.

[2.3] Chi phí tố tụng: Bà H yêu cầu ông Q phải trả bà H toàn bộ số tiền bà H nộp chi phí xem xét, thẩm định, đo đất, bản vẽ khu đất tranh chấp, nhưng bà H không cung cấp hóa đơn, chứng từ nộp tiền. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ xác định được số tiền bà H nộp chi phí xem xét, thẩm định, đo đất, bản vẽ tổng cộng là 2.455.600 đồng (BL số 45, 51). Yêu cầu của ông Q không được chấp nhận, nên theo quy định khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Q phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Q phải có nghĩa vụ trả bà H số tiền 2.455.600 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Án phí sơ thẩm: Yêu cầu của bà H được chấp nhận toàn bộ, nên ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 166, 579, 584, 589 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1. Ông Đặng Minh Q có nghĩa vụ giao trả bà Lê Thị H diện tích 108,8m², thửa đất số 302, tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01822 ngày 20/10/2014 cấp cho bà Lê Thị H, tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

2. Buộc ông Đặng Minh Q phải bồi thường thiệt tài sản cho bà Lê Thị H số tiền 5.625.000 (*Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

3. Ông Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả bà Lê Thị H tiền chi phí tố tụng là 2.455.600 (*Hai triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm*) đồng.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Đặng Minh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí sơ thẩm: Ông Đặng Minh Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng. Bà Lê Thị H được nhận lại số tiền 600.000 (*Sáu trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0028716 ngày 05/5/2023 và biên lai thu số 0013096 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

Trần Văn Dũng

